

PHỤ LỤC I:
DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP VÀ HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC
CỦA CÁC NGÀNH DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(Ban hành kèm theo Thông báo số: 1007/TB-DCT, ngày 12 tháng 08 năm 2026
của Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Ngành	Ngành đại học phù hợp (Không phải học BSKT)	Ngành đại học phù hợp phải học BSKT trước khi dự tuyển	
			Ngành đại học	Học phần bổ sung, số tín chỉ
1	Công nghệ thực phẩm	1. Công nghệ thực phẩm 2. Kỹ thuật thực phẩm 3. Công nghệ sau thu hoạch 4. Công nghệ chế biến thủy sản 5. Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm 6. Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực 7. Khoa học chế biến món ăn	Nhóm 1: 1. Công nghệ sinh học 2. Kỹ thuật sinh học 3. Công nghệ kỹ thuật hóa học	1. Công nghệ chế biến thực phẩm (3 TC) 2. Đảm bảo chất lượng và luật thực phẩm (2 TC) 3. Đánh giá cảm quan thực phẩm (2 TC)
			Nhóm 2: 1. Hóa học 2. Hóa dược 3. Công nghệ kỹ thuật môi trường 4. Sinh học 5. Kỹ thuật nữ công 6. Quản lý thủy sản	1. Công nghệ chế biến thực phẩm (3 TC) 2. Đảm bảo chất lượng và luật thực phẩm (2 TC) 3. Đánh giá cảm quan thực phẩm (2 TC) 4. Kỹ thuật thực phẩm 1 (3 TC) 5. Kỹ thuật thực phẩm 2 (3 TC) 6. Phân tích thực phẩm (2 TC)
			Nhóm 3: 1. Quản trị kinh doanh thực phẩm	1. Kỹ thuật thực phẩm 1 (3 TC) 2. Kỹ thuật thực phẩm 2 (3 TC) 3. Phân tích hóa lý thực phẩm (2 TC)
2	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học	Nhóm 1: 1. Sinh học 2. Kỹ thuật sinh học 3. Sinh học ứng dụng	1. Vi sinh công nghiệp (3 TC) 2. Sinh học phân tử (3 TC)
			Nhóm 2: 1. Sự phạm sinh học 2. Sự phạm kỹ thuật nông nghiệp 3. Sự phạm khoa học tự nhiên 4. Khoa học môi trường	1. Vi sinh công nghiệp (3 TC) 2. Sinh học phân tử (3 TC)

			5. Công nghệ kỹ thuật hóa học 6. Công nghệ kỹ thuật môi trường 7. Kỹ thuật hóa học 8. Kỹ thuật môi trường 9. Công nghệ thực phẩm 10.Kỹ thuật thực phẩm 11.Công nghệ sau thu hoạch 12.Công nghệ chế biến thủy sản 13.Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm 14.Nông nghiệp 15.Khuyến nông 16.Khoa học đất 17.Chăn nuôi 18.Nông học 19.Khoa học cây trồng 20.Bảo vệ thực vật 21.Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan 22.Lâm học 23.Lâm sinh 24.Quản lý tài nguyên rừng 25.Nuôi trồng thủy sản 26.Bệnh học thủy sản 27.Khoa học thủy sản 28.Khai thác thủy sản 29.Quản lý thủy sản 30.Thú y 31.Y khoa 32.Y học dự phòng 33.Dược học 34.Hóa dược 35.Dinh dưỡng	
--	--	--	---	--

			36.Kỹ thuật xét nghiệm y học 37.Y tế công cộng 38.Tổ chức và quản lý y tế 39.Quản lý tài nguyên và môi trường 40.Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
3	Công nghệ thông tin	1.Công nghệ thông tin 2.An toàn thông tin 3.Khoa học máy tính 4.Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu 5.Kỹ thuật phần mềm 6.Hệ thống thông tin 7.Kỹ thuật máy tính 8.Trí tuệ nhân tạo	Nhóm 1: 1. Hệ thống thông tin quản lý 2. Toán ứng dụng 3. Sư phạm Tin học 4. Toán tin 5. Khoa học dữ liệu	1. Cơ sở dữ liệu (3 TC) 2. Lập trình hướng đối tượng (2 TC) 3. Cấu trúc dữ liệu và GT (2 TC) 4. Kiến trúc máy tính (3 TC) 5. Hệ điều hành (3 TC) 6. Mạng máy tính (3 TC)
			Nhóm 2: Các ngành phù hợp khác có trong danh mục các ngành đào tạo hiện nay của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sẽ do Hội đồng ngành sau đại học của Khoa xem xét	
4	Kỹ thuật Môi trường	1. Kỹ thuật môi trường 2. Công nghệ Kỹ thuật môi trường 3. Quản lý tài nguyên và môi trường (do HUIT cấp bằng)	Nhóm 1: 1. Kỹ thuật hóa học 2. Kỹ thuật vật liệu 3. Kỹ thuật xây dựng	1. Vi sinh kỹ thuật môi trường (2 TC) 2. Hóa kỹ thuật môi trường (3 TC) 3. Sinh thái môi trường (2 TC) 4. Cơ sở công nghệ môi trường (2 TC) 5. Phân tích môi trường (3 TC)
			Nhóm 2: 1. Sinh học 2. Công nghệ sinh học 3. Nông nghiệp 4. Quản lý tài nguyên và môi trường 5. Quản lý đất đai	1. Vi sinh kỹ thuật môi trường (2 TC) 2. Hóa kỹ thuật môi trường (3 TC) 3. Sinh thái môi trường (2 TC) 4. Cơ sở công nghệ môi trường (2 TC) 5. Phân tích môi trường (3 TC)
5	Kỹ thuật hóa học	1. Kỹ thuật hóa học 2. Kỹ thuật vật liệu 3. Công nghệ kỹ thuật hóa học 4. Công nghệ vật liệu	1. Sư phạm Hóa học 2. Hóa học 3. Hóa dược 4. Khoa học vật liệu 5. Quản lý tài nguyên và môi trường 6. Kỹ thuật môi trường	1. Hóa lý (2 TC) 2. Kỹ thuật phản ứng (2 TC) 3. Quá trình và thiết bị truyền khối (3 TC)

			7. Công nghệ kỹ thuật môi trường 8. Kỹ thuật dầu khí 9. Công nghệ thực phẩm 10. Kỹ thuật thực phẩm	
6	Kỹ thuật cơ khí	1. Cơ kỹ thuật 2. Kỹ thuật cơ khí 3. Kỹ thuật cơ điện tử 4. Kỹ thuật Nhiệt 5. Kỹ thuật cơ khí động lực 6. Kỹ thuật hàng không 7. Kỹ thuật tàu thủy 8. Kỹ thuật ô tô 9. Công nghệ kỹ thuật cơ khí 10. Công nghệ chế tạo máy 11. Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử 12. Công nghệ kỹ thuật ô tô 13. Công nghệ kỹ thuật nhiệt 14. Công nghệ kỹ thuật tàu thủy 15. Bảo dưỡng công nghiệp	1. Kỹ thuật công nghiệp 2. Kỹ thuật hệ thống công nghiệp 3. Kỹ thuật in 4. Công nghệ vật liệu dệt, may 5. Công nghệ dệt, may 6. Vật lý kỹ thuật 7. Vật lý chất rắn 8. Cơ học vật rắn 9. Kỹ thuật vật liệu 10. Kỹ thuật điện 11. Kỹ thuật điện tử 12. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	1. Nguyên lý máy (2 TC) 2. Các quá trình chế tạo (3 TC) 3. Thực hành CAD/CAM (2 TC)
7	Kỹ thuật điện	1. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử 2. Kỹ thuật điện 3. Nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông 4. Nhóm ngành Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	1. Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa 2. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa 3. Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông 4. Kỹ thuật điện tử - viễn thông 5. Kỹ thuật cơ điện tử 6. Kỹ thuật y sinh 7. Kỹ thuật radar - dẫn đường 8. Kỹ thuật điện tử - truyền thông 9. Kỹ thuật điện tử 10. Kỹ thuật công nghiệp 11. Kỹ thuật hệ thống công nghiệp 12. Kỹ thuật nhiệt	1. Hệ thống điện 3 (3 TC) 2. Máy điện 3 (3 TC)

8	Quản trị Khách sạn - Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	1. Quản trị khách sạn 2. Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống 3. Khoa học chế biến món ăn	Nhóm 1: 1. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2. Việt Nam học (chuyên ngành Hướng dẫn) 3. Du lịch 4. Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực 5. Quản trị khu vui chơi giải trí 6. Du lịch văn hóa	1. Quản trị Khách sạn (4 TC) 2. Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch (4 TC) 3. Quản trị kinh doanh dịch vụ ăn uống (4 TC) 4. Quản trị tiền sảnh (4 TC)
			Nhóm 2: 1. Công nghệ thực phẩm 2. Quản trị kinh doanh thực phẩm 3. Quản trị kinh doanh 4. Quản trị nhân lực 5. Các ngành phù hợp khác có trong danh mục các ngành đào tạo hiện nay của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sẽ do Hội đồng ngành sau đại học của Khoa xem xét.	1. Quản trị Khách sạn (4 TC) 2. Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch (4 TC) 3. Quản trị kinh doanh dịch vụ ăn uống (4 TC) 4. Quản trị tiền sảnh (4 TC) 5. Quản trị F&B (4 TC) 6. Quản trị dự án đầu tư (4 TC)
9	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Nhóm 1: 1. Marketing 2. Bất động sản 3. Kinh doanh quốc tế 4. Kinh doanh thương mại 5. Thương mại điện tử 6. Kinh doanh thời trang và dệt may 7. Tài chính – Ngân hàng 8. Bảo hiểm 9. Công nghệ tài chính 10. Kế toán 11. Kiểm toán 12. Khoa học quản lý	Nhóm 1 (Bổ sung 09 tín chỉ): 1. Quản trị nguồn nhân lực (3 TC) 2. Quản trị chiến lược (3 TC) 3. Quản trị bán hàng (3 TC)

			13. Quản lý công 14. Quản trị nhân lực 15. Hệ thống thông tin quản lý 16. Quản trị văn phòng 17. Quan hệ lao động 18. Quản lý dự án 19. Khác	
			Nhóm 2: Các ngành khác Các ngành phù hợp khác có trong danh mục các ngành đào tạo hiện nay của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sẽ do Hội đồng ngành sau đại học của Khoa xem xét.	Nhóm 2 (Bổ sung 21 tín chỉ): 1. Kinh tế vi mô (3 TC) 2. Kinh tế vĩ mô (3 TC) 3. Quản trị học (3 TC) 4. Nguyên lý kế toán (3 TC) 5. Quản trị nguồn nhân lực (3 TC) 6. Quản trị chiến lược (3 TC) 7. Quản trị bán hàng (3 TC)
10	Kế toán	1. Kế toán 2. Kiểm toán 3. Kế toán doanh nghiệp 4. Kế toán công 5. Kế toán tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế 6. Kế toán công nghiệp 7. Kế toán thương mại - dịch vụ	1. Tài chính - Ngân hàng 2. Bảo hiểm 3. Công nghệ tài chính 4. Quản trị kinh doanh 5. Kinh doanh thương mại	1. Kế toán tài chính (2 TC) 2. Kế toán quản trị (2 TC) 3. Kiểm toán (2 TC) 4. Hệ thống thông tin kế toán (2 TC)
11	Tài chính – Ngân hàng	8. Tài chính – Ngân hàng 9. Bảo hiểm 10. Công nghệ tài chính 11. Tài chính công 12. Tài chính doanh nghiệp 13. Tài chính và lưu thông tiền tệ	1. Kinh tế 2. Kế toán 3. Kiểm toán 4. Quản trị kinh doanh 5. Kinh doanh thương mại	1. Lý thuyết tài chính tiền tệ (2 TC) 2. Ngân hàng thương mại 1,2 (2 TC) 3. Ngân hàng trung ương (2 TC) 4. Quản trị ngân hàng (2 TC) 5. Hệ thống thông tin ngân hàng (2 TC)
12	Ngôn ngữ Anh	1. Ngôn ngữ Anh 2. Sư phạm tiếng Anh		

13	Luật kinh tế	Luật kinh tế	Nhóm 1: 1. Luật 2. Luật Hiến pháp và hành chính 3. Luật Dân sự và tố tụng dân sự 4. Luật Hình sự và tố tụng hình sự 5. Luật Quốc tế	1. Luật Dân sự - Tố tụng Dân sự (3 TC) 2. Luật Hình sự - Tố tụng Hình sự (3 TC) 3. Pháp luật Thương mại hàng hóa dịch vụ (3 TC)
			Nhóm 2: 1. Kinh doanh Thương mại 2. Công nghệ sinh học 3. Kỹ thuật sinh học 4. Công nghệ kỹ thuật hóa học 5. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 6. Việt Nam học (chuyên ngành Hướng dẫn) 7. Du lịch 8. Công nghệ thực phẩm 9. Quản trị kinh doanh thực phẩm 10. Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực 11. Marketing 12. Bất động sản 13. Kinh doanh quốc tế 14. Quản lý dự án 15. Thương mại điện tử 16. Kinh doanh thời trang và dệt may 17. Tài chính – Ngân hàng 18. Bảo hiểm 19. Công nghệ tài chính 20. Kế toán 21. Kiểm toán 22. Khoa học quản lý 23. Quản lý công 24. Quản trị nhân lực	1. Pháp luật Hiến pháp – Hành chính (3 TC) 2. Luật Dân sự - Tố tụng Dân sự (3 TC) 3. Luật Hình sự - Tố tụng Hình sự (3 TC) 4. Luật Quốc tế (3 TC) 5. Pháp luật Thương mại hàng hóa dịch vụ (3 TC)

			25. Hệ thống thông tin quản lý 26. Quản trị văn phòng 27. Quan hệ lao động 28. Quản trị kinh doanh	
14	Marketing	Marketing	Nhóm 1: 1. Quản trị kinh doanh 2. Bất động sản 3. Kinh doanh quốc tế 4. Kinh doanh thương mại 5. Thương mại điện tử 6. Kinh doanh thời trang và dệt may 7. Quản trị kinh doanh thực phẩm 8. Tài chính - Ngân hàng 9. Bảo hiểm 10. Công nghệ tài chính 11. Kế toán 12. Kiểm toán 13. Khoa học quản lý 14. Quản lý công 15. Quản trị nhân lực 16. Hệ thống thông tin quản lý 17. Quản trị văn phòng 18. Quan hệ lao động 19. Quản lý dự án	1. Marketing căn bản (3 TC) 2. Hành vi tiêu dùng (3 TC)

			Nhóm 2: 1. Nhóm ngành Kinh tế học 2. Nhóm ngành Quản lý công nghiệp 3. Nhóm ngành Quản lý xây dựng 4. Nhóm ngành Du lịch 5. Nhóm ngành Khách sạn, nhà hàng	1. Marketing căn bản (3 TC) 2. Quản trị học (3 TC) 3. Kinh tế học (3 TC) 4. Hành vi tiêu dùng (3 TC) 5. Nghiên cứu thị trường (3 TC)
15	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	Nhóm 1: 1. Marketing 2. Bất động sản 3. Quản trị kinh doanh 4. Kinh doanh thương mại 5. Thương mại điện tử 6. Kinh doanh thời trang và dệt may 7. Tài chính – Ngân hàng 8. Bảo hiểm 9. Công nghệ tài chính 10. Kế toán 11. Kiểm toán 12. Khoa học quản lý 13. Quản lý công 14. Quản trị nhân lực 15. Hệ thống thông tin quản lý 16. Quản trị văn phòng 17. Quan hệ lao động 18. Quản lý dự án 19. Kinh doanh khác	1. Kinh doanh quốc tế (3 TC) 2. Kinh tế quốc tế (3 TC) 3. Quản trị xuất nhập khẩu (3 TC)

			Nhóm 2: <i>Khối ngành Khoa học tự nhiên & kỹ thuật; Khối ngành Khoa học xã hội & Nhân văn (là các ngành có chương trình đào tạo khác trên 40% so với chương trình đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế).</i>	1. Quản trị học (3 TC) 2. Kinh tế vi mô (3 TC) 3. Kinh tế vĩ mô (3 TC) 4. Quản trị chiến lược (3 TC) 5. Kinh doanh quốc tế (3 TC) 6. Kinh tế quốc tế (3 TC) 7. Quản trị xuất nhập khẩu (3 TC)
16	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	1. Công nghệ thực phẩm 2. Kỹ thuật thực phẩm 3. Công nghệ sau thu hoạch 4. Công nghệ chế biến thủy sản 5. Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm 6. Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực 7. Khoa học chế biến món ăn	Nhóm 1: 1. Công nghệ sinh học 2. Kỹ thuật sinh học 3. Công nghệ kỹ thuật hóa học	1. Công nghệ chế biến thực phẩm (3 TC) 2. Đảm bảo chất lượng và luật thực phẩm (2 TC) 3. Đánh giá cảm quan thực phẩm (2 TC)
			Nhóm 2: 1. Hóa học 2. Dược học 3. Công nghệ kỹ thuật môi trường 4. Sinh học 5. Kỹ thuật nữ công 6. Quản lý thủy sản 7. Y khoa 8. Y học dự phòng 9. Y tế công cộng	1. Công nghệ chế biến thực phẩm (3 TC) 2. Đảm bảo chất lượng thực phẩm (2 TC) 3. Luật và tiêu chuẩn thực phẩm (2 TC) 4. Đánh giá cảm quan thực phẩm (2 TC) 5. Máy và thiết bị thực phẩm (3 TC) 6. Vi sinh vật học thực phẩm (2 TC)
			Nhóm 3: 1. Quản trị kinh doanh thực phẩm	1. Kỹ thuật thực phẩm 1 (3 TC) 2. Kỹ thuật thực phẩm 2 (3 TC) 3. Phân tích hóa lý thực phẩm 1 CNTP (3 TC) 4. Phân tích hóa lý thực phẩm 2 (2 TC)

Lưu ý: Việc xác định môn học bổ sung sẽ dựa vào bảng điểm của học viên; TC: tín chỉ.